

TRIẾT LÝ NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG HIỆN NAY

TS NGUYỄN VĂN CHUYÊN

Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

17-6-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-7-2025

Ngày duyệt đăng:

5-8-2025

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, người hành động thực tiễn, mà còn là nhà lý luận xuất sắc về nhiều vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam, trong đó có lĩnh vực ngoại giao. Tính triết lý trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh được thể hiện rõ qua những nội dung: Độc lập, tự chủ gắn liền với đoàn kết, hợp tác quốc tế; Ngoại giao là một mặt trận, nhưng cần coi trọng thực lực; Đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, nhưng không quên trách nhiệm quốc tế. Những triết lý ngoại giao này đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam vận dụng sáng tạo trong bối cảnh mới hiện nay.

Từ khóa:

Hồ Chí Minh; triết lý ngoại giao; đường lối đối ngoại; vận dụng hiện nay

1. Triết lý ngoại giao Hồ Chí Minh

Độc lập, tự chủ gắn liền với đoàn kết, hợp tác quốc tế. Theo Hồ Chí Minh, độc lập, tự chủ gắn với tự lực, tự cường. Đối với cách mạng Việt Nam, Người cho rằng, “có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do”¹. Người thường nhắc nhở phải “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”², “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”³. Căn dặn cán bộ làm công tác ngoại giao, Người nói: “Về chính trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại giao của ta là tự lực cánh sinh. Phải hiểu thấu đáo lắm vấn đề này, không thì sẽ đi xiêu vẹo ngay đây!”⁴.

Đối với Hồ Chí Minh, độc lập, tự chủ không phải là chủ nghĩa biệt lập, biệt phái mà luôn gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Hồ Chí Minh luôn đặt cách mạng Việt Nam vào dòng chảy chung của thế

giới rộng lớn bên ngoài. Người thấy rõ: “Nước ta là một bộ phận của thế giới. Tình hình của nước ta có ảnh hưởng đến thế giới, mà tình hình thế giới cũng có quan hệ đến nước ta”⁵; “các cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc, bất kỳ gần hay xa, to hay nhỏ, đều có quan hệ với nhau”⁶. “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”⁷. “Mỗi thắng lợi của nhân dân thế giới là một thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Và mỗi thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là một thắng lợi của nhân dân thế giới”⁸. Người nêu rõ: “Mọi người đều phải theo trào lưu cách mạng thế giới... Việt Nam là một bộ phận của thế giới, cũng không thể đi ngược dòng lịch sử được”⁹.

Hồ Chí Minh nêu cao và thực hiện phương châm Việt Nam “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và

không gây thù oán với một ai”¹⁰, coi “*Bốn phương vô sản đều là anh em*.”¹¹. Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập năm 1945, Người tuyên bố: “chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước cộng tác thật thà với chúng tôi”¹², “Chúng ta sẽ mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu đến đây giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia”¹³. Người chỉ rõ: “Trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao và thương mại với tất cả các nước”¹⁴. Trong “Lời kêu gọi Liên Hợp quốc” (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”¹⁵. “Bất kỳ nước nào... thật thà muốn đưa tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam, với mục đích làm lợi cho cả hai bên, thì Việt Nam sẽ rất hoan nghênh”¹⁶.

Theo Hồ Chí Minh, sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại. Người nhấn mạnh: “Một dân tộc không tự lực cách sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”¹⁷. Trong công cuộc xây dựng đất nước và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau năm 1954, Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ to lớn từ Liên Xô, Trung Quốc, nhưng Người vẫn cho rằng: “Cũng như trong thời kỳ kháng chiến, phương châm của ta hiện nay là: Tự lực cánh sinh là chính, việc các nước bạn giúp ta là phụ. Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta. Song nhân dân và cán bộ ta tuyệt đối chớ vì bạn ta giúp nhiều mà đắm ý lại”¹⁸. Độc lập, tự chủ vừa là đường lối, vừa là nguyên tắc đối ngoại, ngoại giao để bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia, dân tộc; đoàn kết, hợp tác và sự ủng hộ của quốc tế tạo thuận lợi để củng cố độc lập, tự chủ. Mọi quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ với đoàn kết, hợp tác quốc tế chính là biểu hiện cụ thể

của mối quan hệ giữa đối nội và đối ngoại, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Ngoại giao là một mặt trận, nhưng cần coi trọng thực lực. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của ngoại giao. Sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “Sau vấn đề phòng thủ, ngoại giao là một vấn đề cần yếu cho một nước độc lập”¹⁹. Trong suốt hành trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người luôn coi ngoại giao (cùng với đấu tranh chính trị, quân sự) là một trong ba mặt trận đấu tranh cơ bản để bảo vệ Tổ quốc. Vì ngoại giao là một mặt trận đấu tranh nên những người làm công tác ngoại giao cũng là chiến sĩ trên mặt trận đó. Có những thời điểm, việc tìm kiếm nhân tài ngoại giao được đặt lên hàng đầu. Ngày 14-11-1945, trong lá thư ngỏ tìm kiếm nhân tài và kiến quốc, Người viết: “Chúng ta cần nhất bây giờ là:

Kiến thiết ngoại giao

Kiến thiết kinh tế

Kiến thiết quân sự

Kiến thiết giáo dục”²⁰.

Hồ Chí Minh thường nhắc nhở cán bộ ngoại giao cần phải có bản lĩnh, trí tuệ, dũng khí và phải có đầy đủ các phẩm chất cơ bản gồm: lòng yêu nước, biết đặt lợi ích dân tộc lên trên hết; giỏi ngoại ngữ, am hiểu văn hóa, phong tục tập quán các nước; giữ gìn đoàn kết nội bộ, giữ bí mật quốc gia; nắm vững nghệ thuật đàm phán, nghệ thuật giao tiếp, ứng xử²¹.

Trong đối ngoại, Hồ Chí Minh đề ra phương châm chiến lược “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, tức là “*Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt*”²². Điều “bất biến” là độc lập dân tộc, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia - dân tộc. Điều “vạn biến” là sách lược, bước đi, cách làm, cách xử lý linh hoạt, phù hợp với từng hoàn cảnh, đối tượng và sự việc cụ thể. Phương châm đó đã được Người vận dụng trong suốt hành

trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam, nổi bật nhất trong hoàn cảnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc” ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công qua sách lược hòa với quân đội Trung Hoa Dân quốc (9-1945 – 3-1946) để chống Pháp, sau đó hòa với Pháp để buộc quân đội Trung Hoa Dân quốc của Tưởng Giới Thạch rút về nước. Với sự khéo léo tài tình đó, Người cùng Đảng Cộng sản Đông Dương đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua những cơn sóng gió nguy hiểm, giữ vững thành quả cách mạng.

Hồ Chí Minh cho rằng “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù”²³, dựa trên cơ sở “ai làm gì lợi ích cho nhân dân, cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kỳ ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc ta tức là kẻ thù”²⁴. Vì vậy, mà trong từng thời kỳ cách mạng, Người xác định rất chính xác bạn - thù. Đối với kẻ thù, Người chỉ rõ đâu là kẻ thù số 1, nguy hiểm nhất, kẻ thù trước mắt hay lâu dài. Đồng thời cũng xác định rõ những người bạn lớn, quan trọng, có vai trò, ảnh hưởng đối với cách mạng Việt Nam và thế giới. Bên cạnh đó, Người phân biệt rất rõ những lực lượng trung lập mà cách mạng có thể lôi kéo, tranh thủ dù đó chỉ là đồng minh tạm thời.

Theo Hồ Chí Minh, ngoại giao cũng là một mặt trận đấu tranh với kẻ thù. Người hiểu rất rõ “Dư luận thế giới đối với các nước đang rên xiết dưới ách thống trị của nước ngoài không phải không làm cho những kẻ đi bóc lột các dân tộc lo sợ”²⁵. Vì vậy, Người tận dụng mọi cơ hội để vạch trần tội ác của những kẻ xâm lăng và phát cao ngọn cờ chính nghĩa của dân tộc nhằm tranh thủ sự ủng hộ của dư luận thế giới. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị ngoại giao, tháng 3-1966, Người căn dặn: ngoại giao của ta là cốt tranh thủ nhiều người ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước, đồng thời phải tranh thủ tuyên truyền giải thích chủ trương, đường lối, tính chính nghĩa của nhân dân Việt Nam²⁶.

Hồ Chí Minh cho rằng hoạt động ngoại giao cũng cần có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau: “không phải chỉ là các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán là những cơ quan chuyên môn phụ trách, mà còn là các tổ chức khác như ngoại thương, văn hóa, thanh niên, phụ nữ, công đoàn cũng đều làm ngoại giao cả”²⁷. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, để phát vai trò của ngoại giao cần hết sức khéo léo, tế nhị, nhất là trong quan hệ với các nước lớn. Người căn dặn phái đoàn ngoại giao của Việt Nam trước khi đàm phán tại Paris với Mỹ rằng: “Mỹ là nước lớn đứng đầu thế giới tư bản, buộc phải ngồi đàm phán, thương lượng đã là thất bại rồi, vì thế Bác yêu cầu là không được làm Mỹ mất mặt. Phải tế nhị, khéo léo, lúc cương lúc nhu thì mới gọi là đàm phán hòa bình, mới đạt kết quả”²⁸.

Trong ngoại giao, Hồ Chí Minh luôn coi trọng đến thực lực, coi thực lực là yếu tố quan trọng. Người đặc biệt nhấn mạnh “nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao”²⁹. “Ta có mạnh thì họ mới chịu “đếm xỉa đến”. Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay của kẻ khác, dầu là kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy”³⁰. Người căn dặn: “Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”³¹.

Thực lực là sức mạnh tổng hợp mọi mặt gồm cả chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, quốc phòng, an ninh, nhân lực và các nguồn lực khác. Thực lực không chỉ là sức mạnh nội sinh của dân tộc, mà còn là sức mạnh của thời đại, sự ủng hộ của bên ngoài, nhưng sức mạnh bên trong giữ vai trò chủ đạo. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người nói: “đánh thắng lợi thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng, nhưng cái vốn chính là mình phải đánh thắng và mình phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng”³². “Ngoại giao

ở Hội nghị Giơnevơ thắng lợi là vì Điện Biên Phủ đánh thắng lớn”³³. “Bây giờ nội trong nước ta cứ đánh cho thắng, thì ngoại giao dễ làm ăn”³⁴.

Đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, nhưng không quên trách nhiệm quốc tế. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đường lối đối ngoại và hoạt động ngoại giao Việt Nam phải đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trước hết, trên hết, “muốn làm gì cũng cần vì lợi ích của dân tộc mà làm”³⁵, “cách mạng phải vì lợi ích của dân tộc”³⁶, “làm thế nào cho tranh được lợi với thế giới”³⁷. “Cán bộ làm công tác ngoại giao phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ”³⁸. Tuy nhiên, lợi ích mà Hồ Chí Minh quan niệm đó là lợi ích chính đáng - “lợi chính”, không phải lợi ích dân tộc hẹp hòi, vị kỷ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn”³⁹. “*Mình chớ làm cho người những điều không muốn người làm cho mình*”⁴⁰. Trong quan hệ quốc tế người cũng nhấn mạnh tinh thần “có vay, có trả”, ta không nhận sự giúp đỡ một chiều của bạn bè quốc tế mà phải góp phần hỗ trợ bạn bè quốc tế trong điều kiện cho phép. Người cho rằng “mình được hưởng cái hay của người thì phải có cái hay cho người ta hưởng. Mình đừng chịu vay mà không trả”⁴¹.

Mong muốn của Hồ Chí Minh là các nước đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau giữ gìn nền hoà bình chung trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam là một nước Đông Nam Á, chúng ta hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc

trong khu vực này chống lại sự xâm lược và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Chính sách đối ngoại của Việt Nam là thân thiện với tất cả các láng giềng Trung Hoa, Ấn Độ, Xiêm La, Cao Miên, Ai Lao,... mà không thù gì với nước nào⁴².

2. Sự vận dụng hiện nay

Triết lý ngoại giao độc lập, tự chủ gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế của Hồ Chí Minh đã được

Đảng vận dụng sáng tạo trong thời kỳ đổi mới. Đó là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện “Bốn không” trong quốc phòng - an ninh và chiến lược “cân bằng” trong quan hệ với các nước lớn. Độc lập, tự chủ được thể hiện ở chỗ Việt Nam không lệ thuộc vào bất kỳ nước nào, giữ vững quyền tự quyết trong hoạch định chính sách đối nội và đối ngoại. Trên nền tảng đó, Việt Nam thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, mở rộng và nâng

cấp quan hệ ngoại giao, hợp tác kinh tế, an ninh với nhiều nước trên thế giới,... Nhất là, trong thời gian gần đây, một mặt Việt Nam đã thắt chặt và tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, các đối tác truyền thống ở khu vực Đông Á, Nam Á; mặt khác đẩy mạnh quan hệ với các nước Trung Đông, châu Âu và khu vực Mỹ Latinh.

Nhờ đó, đến nay (2025), Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có

Trong Di chúc (viết năm 1965), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em! Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”⁴⁹.

quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 34 nước, trong đó có tất cả các thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc, các nước lớn; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh phát triển sâu rộng, thực chất. Việt Nam đã tham gia các thỏa thuận hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế đa tầng nấc, nhất là 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), gắn kết Việt Nam với hơn 60 nền kinh tế chủ chốt, tham gia sâu hơn vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu, đưa Việt Nam lọt vào nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; nằm trong nhóm 20 nền kinh tế thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất thế giới từ năm 2019 đến nay⁴³.

Sự phân biệt bạn - thù trong quan điểm của Hồ Chí Minh được Đảng vận dụng trong việc xác định “đối tác, đối tượng”. Đây là đột phá trong nhận thức của Đảng về quốc phòng, an ninh, đối ngoại được xác định trong NQTU 8 khóa IX (7-2003), nâng lên thành quan điểm trong NQTU 8 khóa XI (10-2013), phát triển nội dung trong NQTU 8 khóa XIII (11-2023). Hiện nay, Đảng xác định: những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng⁴⁴.

Tư tưởng ngoại giao vì lợi ích quốc gia dân tộc được Đảng tiếp thu, vận dụng sáng tạo trong thời kỳ đổi mới. Đại hội XIII (2021) của Đảng xác định: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”⁴⁵. Tinh thần này sẽ tiếp tục được kế thừa, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc là nguyên tắc lớn, dẫn dắt, định hướng cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Nguyên tắc này là cơ sở chính trị - pháp lý để các cá nhân, tổ chức đưa ra những quyết định

đúng đắn trong hoạt động đối ngoại của đất nước. Lợi ích quốc gia - dân tộc là ưu tiên hàng đầu của các quốc gia trên thế giới. Việt Nam đề cao lợi ích quốc gia dân tộc là đề cao lợi ích chính đáng của quốc gia dân tộc, không phải là đề cao chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vị kỷ, vì vậy được cộng đồng quốc tế ủng hộ. Vận dụng tư tưởng ngoại giao toàn dân, toàn diện với nhiều chủ thể tham gia của Hồ Chí Minh, Đại hội XIII của Đảng đề ra chủ trương: “*Xây dựng nền ngoại giao* toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”⁴⁶. Thực hiện chủ trương này, hoạt động *đối ngoại đã diễn ra sôi động*, phong phú. Các đồng chí lãnh đạo cấp cao, nhất là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội đã tiến hành nhiều chuyến thăm hữu nghị với các đối tác trên thế giới. Các hội hữu nghị, các đoàn thể nhân dân cũng hoạt động tích cực. Các hình thức ngoại giao ngày càng phong phú, đa dạng, phù hợp với xu thế của nền ngoại giao đương đại và sự phát triển của công nghệ thông tin.

Việt Nam luôn coi ngoại giao như một công cụ, một biện pháp quan trọng để bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia; coi trọng cả ngoại giao song phương và đa phương, coi trọng tất cả các đối tác dù lớn hay nhỏ, gần hay xa, đã phát triển hay đang phát triển, giàu hay nghèo. Đặc biệt, Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24-1-2025 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” xác định: cùng với quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế được coi là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên⁴⁷. Điều này phản ánh quan điểm chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam, nhấn mạnh vị trí, vai trò thiết yếu và liên tục của công tác đối ngoại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, Việt Nam không tách rời việc đề cao lợi ích dân tộc với trách nhiệm quốc tế. Khi thế và lực của đất nước ngày càng cao, Việt Nam đã thể hiện rất rõ tinh thần là bạn, đối tác tin cậy và là

thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Việt Nam đã tích cực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc từ năm 2014 tại các địa điểm như Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi, Abyei và tại Trụ sở Liên Hợp quốc; tích cực tham gia vào các hoạt động chống biến đổi khí hậu; cử các lực lượng hỗ trợ các quốc gia khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra; sẵn sàng đứng ra làm trung gian hòa giải cho các xung đột quốc tế,... Những đóng góp của Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24-1-2025 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” đã xác định hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới là *chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới*⁴⁸. Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới, sẵn sàng góp góp nhiều hơn nữa vì sự phát triển và tiến bộ của nhân loại.

Triết lý ngoại giao lớn của Hồ Chí Minh là ngọn đuốc soi đường cho đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay. Vận dụng những tư tưởng đó, nền ngoại giao Việt Nam đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa chiến lược, trở thành một điểm sáng trong những thành tựu chung của đất nước, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

1, 10, 12. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 553, 256, 184

2, 9, 29. *Sđđ*, T. 3, tr. 596, 493, 448

3, 7, 36. *Sđđ*, T. 2, tr. 320, 329, 514

4. *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao - Một vài kỷ niệm về Bác*, Nxb CTQG, H, 2008, tr. 119

5, 22. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 8, tr. 346, 555

6, 17. *Sđđ*, T. 7, tr. 385, 445

8. *Sđđ*, T. 14, tr. 420

11. *Sđđ*, T. 12, tr. 670

13, 15, 20, 31, 37, 40. *Sđđ*, T. 4, tr. 86, 523, 114, 147, 47, 401

14, 18. *Sđđ*, T. 10, tr. 317, 56-57

16. *Sđđ*, T. 6, tr. 145

19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 8, tr. 290

21. Xem: Nguyễn Thu Giang: “Quan điểm của Hồ Chí Minh về những phẩm chất của nhà ngoại giao”, <https://baotang-hochiminh.vn/quan-diem-cua-ho-chi-minh-ve-nhung-pham-chat-cua-nha-ngoai-giao.htm>, ngày đăng 15-12-2019

23. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 13, tr. 453

24, 39. *Sđđ*, T. 9, tr. 264, 265

25. *Sđđ*, T. 1, tr. 17

26. Xem: *Sđđ*, T. 15, tr. 61

27, 35, 38. Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2002, tr. 168, 112, 112

28. Theo: Nguyễn Văn Sáu: “Phương châm “đi bất biến ứng vạn biến” trong đàm phán Paris về Việt Nam”, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/phong-su/phuong-cham-di-bat-bien-ung-van-bien-trong-dam-phan-paris-ve-viet-nam-716995>, ngày đăng: 21-1-2023

30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 7, tr. 244

32, 33, 34, 49. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 15, tr. 60-61, 60, 61, 613

41. Báo *Cứu quốc*, ngày 9-10-1945

42. Xem: *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 199

43, 47, 48. Xem: Tổng Bí thư Tô Lâm: “Vươn mình trong hội nhập quốc tế”, <https://baochinhphu.vn/vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te-102250403103503168.htm>, ngày đăng 3-4-2025

44. Xem: Hoa Nguyễn, “Một số vấn đề về đối tác, đối tượng trong tình hình mới hiện nay”, https://tapchiconsan.org.vn/van_hoa_xa_hoi-/2018/824487/view_content, ngày đăng 15-12-2021

45, 46. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. I, tr. 161-162, 162.